HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 31/2025/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Tờ trình số 2336/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 622/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An ban hành quy định nội dung chi,

mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An.

3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi viện dẫn để áp dụng tại Quy định của Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ, dự án đang triển khai thực hiện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ kinh phí trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện các nội dung hỗ trợ theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An đối với 60 xã, phường thuộc tỉnh Long An trước sáp nhập.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 7 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản Quản lý xử lý vi phạm hành chính-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TTHĐND, UBND các xã, phường;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình Tây Ninh;
- Các Phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác quản lý ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nghị quyết không hỗ trợ cho các đối tượng đã được hỗ trợ từ các chương trình khác trùng với các nội dung quy định tại Nghị quyết này.

2. Nhà nước hỗ trợ kinh phí bằng hình thức hỗ trợ một phần; phần còn lại do tổ chức, cá nhân tự cân đối và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác. Trình tự và thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

Chương II
NỘI DUNG CHI, MỨC CHI

Điều 4. Hỗ trợ kinh phí trực tiếp quy định tại quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Mức hỗ trợ

a) Nghề truyền thống đạt tiêu chí theo quy định, được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận, được hỗ trợ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

b) Làng nghề đạt tiêu chí theo quy định, được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận, được hỗ trợ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

c) Làng nghề truyền thống đạt tiêu chí theo quy định, được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận, được hỗ trợ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp quy định tại quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. Kinh phí hỗ trợ được bổ sung cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận và được sử dụng trong việc tổ chức công bố quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 5. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề

Hỗ trợ 60% chi phí đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng (đường giao thông, điện, nước sạch; hệ thống tiêu, thoát nước; xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề) cho các làng nghề gắn với phát triển du lịch và xây dựng nông thôn mới; làng nghề tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương; làng nghề gắn với việc bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa thông qua các nghề truyền thống. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5.000.000.000 đồng/dự án (năm tỷ đồng/dự án).

Điều 6. Hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn (kể cả ngành nghề nông thôn trong làng nghề, làng nghề truyền thống)

1. Cơ quan thực hiện hỗ trợ: Cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh, cấp xã và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan ở địa phương hỗ trợ cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh xây dựng dự án phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Nội dung chi hỗ trợ dự án: Mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất; thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo dự án; tập huấn cho người tham gia dự án, tổng kết dự án; quản lý dự án.

3. Mức hỗ trợ: Tối đa 50% của dự án nhưng không quá 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Điều 7. Hỗ trợ di dời các cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí để di dời (tháo dỡ, bốc xếp, vận chuyển nhà xưởng, nhà kho) cho các cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 30.000 đồng/m^2 tính theo diện tích thực tế di dời của cơ sở ngành nghề nông thôn. Diện tích hỗ trợ tối đa là 400 m^2 đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác và 8.000 m^2 đối với hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Điều kiện hỗ trợ: Các cơ sở ngành nghề nông thôn nằm trong kế hoạch phải di dời và được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc địa điểm quy hoạch.

4. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần cho chủ cơ sở ngành nghề nông thôn sau khi thực hiện di dời đến địa điểm quy hoạch và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 8. Nguồn kinh phí

1. Nguồn ngân sách nhà nước: Ngân sách tỉnh, xã; Chương trình Mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án có liên quan, kinh phí khuyến công và các nguồn kinh phí hợp pháp khác...

2. Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật (nếu có).